BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 2002 **/QĐ-ĐHNL-ĐT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 *tháng* 7 *năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho hệ đào tạo vừa làm vừa học ở các Trường Đại học và Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 06/2008/QĐ-BGD-ĐT ngày 13 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy định đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng, Đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành "Quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm TPHCM v/v ban hành Quy chế học vụ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của các Khoa/Bộ môn trực thuộc;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 21/6/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **626** sinh viên các ngành trong đó **491** sinh viên Đại học hệ chính quy; **69** sinh viên Cao đẳng hệ chính quy và **66** sinh viên Đại học hệ vừa làm vừa học.

(***danh sách đính kèm***)

Điều 2. Các sinh viên có tên trong danh sách đính kèm được nhận bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng theo đúng quy chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đã ban hành sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các ông Trưởng Phòng Đào tạo, Ban Chủ nhiệm các Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Khoa/Bộ môn (để thực hiện);
- P.CTSV (phối hợp thực hiện);
- P.KHTC (phối hợp thực hiện);
- TT HTSV-QHDN (tổ chức Lễ tốt nghiệp);
- Lưu HC, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

GS.TS. Nguyễn Hay

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phòng Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 2002 /QĐ-ĐHNL-ĐT của Hiệu trưởng ký ngày 20/7/2016

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
CD10CI17								
1	10344019	Trần Hữu	Phước	12/12/1992	Nam	2.24	Trung bình	73/2016
CD11CI								
1	11344028	Võ Ngọc	Lam	10/06/1993	Nam	2.48	Trung bình	74/2016
CD12CI								
1	12344048	Nhữ Văn	Linh	03/05/1994	Nam	2.22	Trung bình	75/2016
2	12344084	Nguyễn Như	Luân	03/09/1993	Nam	2.44	Trung bình	76/2016
3	12344169	Lê Minh	Hóa	13/02/1994	Nam	2.95	Khá	77/2016
Kinh tế								
CD10CA17								
1	10363162	Phạm Thị	Len	16/01/1992	Nữ	2.32	Trung bình	78/2016
CD12CA								
1	12363042	Trương Thị Bích	Hân	08/03/1994	Nữ	3.02	Khá	79/2016
2	12363047	Trần Thị Thu	Thảo	10/06/1994	Nữ	2.63	Khá	80/2016
3	12363059	Đặng Thị Thanh	Loan	25/05/1994	Nữ	2.77	Khá	81/2016
4	12363067	Trần Thị Mỹ	Nhung	20/03/1994	Nữ	2.12	Trung bình	82/2016
5	12363072	Vũ Thị Lan	Hương	18/07/1993	Nữ	2.99	Khá	83/2016
6	12363084	Trần Thị Kim	Thành	10/01/1994	Nữ	2.17	Trung bình	84/2016
7	12363113	Lê Thị Mỹ	Thuận	12/10/1994	Nữ	2.61	Khá	85/2016
8	12363161	Thân Thị Hồng	Hải	12/11/1990	Nữ	2.64	Khá	86/2016
9	12363187	Vũ Thị	Nga	16/01/1994	Nữ	2.66	Khá	87/2016
10	12363203	Trần Thị Phượng	Tuyến	03/02/1994	Nữ	2.10	Trung bình	88/2016
11	12363260	Nguyễn Minh	Dung	07/12/1994	Nữ	2.43	Trung bình	89/2016
12	12363265	Đinh Kim	Hằng	28/07/1994	Nữ	2.59	Khá	90/2016
13	12363272	Trần Thị	Huệ	13/04/1994	Nữ	2.57	Khá	91/2016
CD13CA								
1	13363042	Hồ Quốc	Dũng	04/05/1995	Nam	2.75	Khá	92/2016
2	13363371	Hồ Lê Hoàng	Việt	20/09/1995	Nam	3.37	Giỏi	93/2016
Quản lý đất đai và Bất động sản								
CD10CQ17								
1	10333142	Đỗ Thị	Thủy	31/10/1991	Nữ	2.38	Trung bình	94/2016
CD11CQ								
1	11333216	Phạm Chí	Cường	27/06/1992	Nam	2.41	Trung bình	95/2016
CD12CQ								
1	12333029	Trần Thị Quỳnh	Châu	02/07/1994	Nữ	2.86	Khá	96/2016
2	12333032	Nguyễn Thị Thúy	Lăm	27/01/1994	Nữ	2.65	Khá	97/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	12333045	Tăng Thị Thanh	Tuyền	14/03/1994	Nữ	2.49	Trung bình	98/2016
4	12333064	Vũ Tài	Đạt	19/12/1994	Nam	2.66	Khá	99/2016
5	12333074	Phan Quốc	Trọng	11/04/1994	Nam	2.51	Khá	100/2016
6	12333130	Nguyễn Anh	Khoa	05/07/1992	Nam	2.17	Trung bình	101/2016
7	12333132	Trần Mạnh	Linh	06/04/1993	Nam	2.53	Khá	102/2016
8	12333187	Lê Kim Trúc	Linh	02/03/1994	Nữ	2.31	Trung bình	103/2016
9	12333211	Lê Thị Hồng	Sâm	09/07/1993	Nữ	2.79	Khá	104/2016
10	12333213	Đặng Phùng Kim	Sơn	05/02/1994	Nam	2.51	Khá	105/2016
11	12333216	Nguyễn Thị Thu	Sương	15/04/1994	Nữ	3.00	Khá	106/2016
12	12333233	Võ Thị Kim	Ngọc	25/06/1994	Nữ	2.64	Khá	107/2016
13	12333254	Võ Hoàng	Lan	20/11/1994	Nữ	2.22	Trung bình	108/2016
14	12333269	Nguyễn Đình Bảo	Trung	19/04/1994	Nam	2.07	Trung bình	109/2016
15	12333283	Di Thành	Vủ	18/09/1993	Nam	2.42	Trung bình	110/2016
16	12333285	Đỗ Thị Yến	Ni	22/08/1994	Nữ	2.47	Trung bình	111/2016
17	12333310	Nguyễn Thị Hồng	Khuyên	22/02/1994	Nữ	2.60	Khá	112/2016
18	12333319	Phạm Nguyễn Hạnh	Trinh	13/04/1994	Nữ	2.78	Khá	113/2016
19	12333325	Đạo Thị út	Xuân	10/09/1992	Nữ	2.49	Trung bình	114/2016
20	12333326	Nguyễn Văn	Trường	26/03/1993	Nam	2.59	Khá	115/2016
21	12333339	Lê Thị	Hạnh	12/03/1993	Nữ	2.48	Trung bình	116/2016
22	12333349	Trần Thị Hoài	Thương	17/10/1994	Nữ	2.44	Trung bình	117/2016
23	12333353	Bùi Thị	Hiền	16/01/1993	Nữ	2.59	Khá	118/2016
24	12333363	Phạm Thị Vân	Anh	20/07/1993	Nữ	2.79	Khá	119/2016
25	12333382	Võ Thị Kim	Hiếu	09/05/1993	Nữ	2.32	Trung bình	120/2016
26	12333403	Đặng Thị Thu	Ngân	02/10/1993	Nữ	2.33	Trung bình	121/2016
27	12333419	Trần Thị Mỹ	Phụng	31/12/1994	Nữ	2.10	Trung bình	122/2016
28	12333439	Đào Thị	Thu	31/07/1994	Nữ	2.57	Khá	123/2016
29	12333441	Nguyễn Thị Ngọc	Thuận	20/11/1994	Nữ	2.57	Khá	124/2016
30	12333455	Lê Thị Thanh	Trúc	20/07/1994	Nữ	2.38	Trung bình	125/2016
31	12333467	Lê Thị Diệu	Linh	27/11/1994	Nữ	2.26	Trung bình	126/2016
32	12333480	Cù Thị Việt	Trinh	12/07/1994	Nữ	2.32	Trung bình	127/2016
CD13CQ								
1	13333107	Nguyễn Hồng	Đồng	17/05/1995	Nam	3.01	Khá	128/2016
2	13333525	**Tăng Thị Phương**	**Thúy**	16/02/1994	Nữ	2.58	Khá	129/2016
Công nghệ thông tin								
CD11TH								
1	11329024	Nguyễn Khánh	Duy	05/09/1993	Nam	2.77	Khá	130/2016
2	11329133	Phạm Thành	Vũ	10/02/1993	Nam	2.42	Trung bình	131/2016
Thủy sản								
CD10CS17								
1	10336012	Thôi Nhất	Nam	01/06/1992	Nam	2.57	Khá	132/2016
2	10336091	Trần Văn	Quý	25/05/1992	Nam	2.42	Trung bình	133/2016
3	10336151	Phan Hồng	Khoa	26/02/1991	Nam	2.56	Khá	134/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
CD11CS								
1	11336096	Vương Trường	Giang	26/01/1993	Nam	2.58	Khá	135/2016
2	11336260	Tô Đình	Trọng	06/05/1993	Nam	2.35	Trung bình	136/2016
CD12CS								
1	12336011	Phạm Thị Thu	Diễm	12/04/1994	Nữ	2.35	Trung bình	137/2016
2	12336072	Nguyễn Bình	Nguyên	27/02/1993	Nam	2.58	Khá	138/2016
3	12336103	Trần Thị Thanh	Thủy	30/11/1994	Nữ	2.56	Khá	139/2016
4	12336133	Tạ Thị	Lài	17/01/1994	Nữ	2.97	Khá	140/2016
5	12336144	Võ Thị Thanh	Tiến	23/03/1994	Nữ	2.92	Khá	141/2016

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

GS.TS. Nguyễn Hay

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phòng Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 2002 /QĐ-ĐHNL-ĐT của Hiệu trưởng ký ngày 20/7/2016

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH08CD17								
1	07153064	Nguyễn Văn	Nghì	25/02/1982	Nam	2.37	Trung bình	788/2016
DH10CD								
1	10153060	Trương Văn	Điền	24/02/1992	Nam	2.36	Trung bình	789/2016
DH10NL								
1	10137008	Nguyễn Thành	Phần	28/10/1992	Nam	2.45	Trung bình	790/2016
2	10137009	Lê Thế	Quan	01/01/1991	Nam	2.50	Khá	791/2016
3	10137033	Nguyễn Duy	Đoan	05/03/1987	Nam	2.50	Khá	792/2016
4	10137081	Đinh Quốc Tuấn	Vỹ	02/01/1991	Nam	2.67	Khá	793/2016
DH10OT								
1	10154034	Nguyễn Phước	Sơn	17/08/1992	Nam	2.36	Trung bình	794/2016
2	10154049	Dương Mạnh	Trí	10/03/1992	Nam	2.39	Trung bình	795/2016
3	10154074	Bùi Thanh	Linh	02/11/1988	Nam	2.63	Khá	796/2016
4	10154075	Lê Văn	Chiến	15/09/1992	Nam	2.73	Khá	797/2016
5	10154089	Thái Sinh	Nhật	19/05/1986	Nam	2.34	Trung bình	798/2016
DH11CD								
1	11153024	Nguyễn Viết	Hùng	24/10/1993	Nam	2.66	Khá	799/2016
DH11OT								
1	11154060	Đoàn Thế	Luân	09/05/1993	Nam	2.33	Trung bình	800/2016
Chăn nuôi Thú Y								
DH08CN17								
1	08111038	Nguyễn Hoàng	Thái	07/05/1990	Nam	2.26	Trung bình	801/2016
DH09TY17								
1	09112146	Nguyễn Ngọc	Thanh	24/04/1987	Nam	2.28	Trung bình	802/2016
2	09112246	Kiên Phúc	Đức	/ /1990	Nam	2.24	Trung bình	803/2016
DH10CN								
1	10111040	Lê Nam	Trung	28/01/1992	Nam	2.60	Khá	804/2016
2	10111064	Lê Hồng	Hòa	01/01/1985	Nam	2.46	Trung bình	805/2016
DH10DY								
1	10142047	Đỗ Duy	Hoài	12/07/1992	Nam	2.89	Khá	806/2016
2	10142097	Trần Lê Vũ	Nghi	20/08/1992	Nam	2.47	Trung bình	807/2016
3	10142126	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/12/1992	Nữ	2.36	Trung bình	808/2016
DH10TY								
1	10112159	Trần Ngọc	Tân	21/03/1991	Nam	2.40	Trung bình	809/2016
DH11CN								
1	11111025	Dương Thị Kim	Phúc	10/05/1993	Nữ	3.06	Khá	810/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	11111053	Huỳnh Huy	Hùng	08/10/1993	Nam	2.35	Trung bình	811/2016
DH11DY								
1	11142036	Nguyễn Ngọc Kim	Châu	06/02/1993	Nữ	2.69	Khá	812/2016
2	11142057	Phạm Thị	Hồng	18/09/1993	Nữ	3.14	Khá	813/2016
3	11142104	Nguyễn Hoàng	Thi	11/01/1993	Nam	2.49	Trung bình	814/2016
4	11142109	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	06/11/1993	Nữ	2.75	Khá	815/2016
5	11142131	Châu Hoàng	Cường	11/10/1993	Nam	2.61	Khá	816/2016
6	11142133	Ngô Thị Bảo	Duyên	04/07/1993	Nữ	3.30	Giỏi	817/2016
DH11TA								
1	11161017	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	21/12/1993	Nữ	2.98	Khá	818/2016
2	11161039	Triệu Văn	Lập	24/07/1993	Nam	2.57	Khá	819/2016
3	11161056	Nguyễn Hoàng	Thái	20/06/1993	Nam	3.23	Giỏi	820/2016
DH11TY								
1	10112056	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	28/04/1992	Nữ	2.62	Khá	821/2016
2	11112019	Tô Kiều	Nguyên	05/07/1993	Nữ	2.89	Khá	822/2016
3	11112038	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	22/09/1993	Nữ	3.13	Khá	823/2016
4	11112178	Bùi Văn	Quí	10/04/1993	Nam	2.71	Khá	824/2016
5	11112205	Nguyễn Hữu	Thọ	17/04/1993	Nam	2.55	Khá	825/2016
6	11112270	Hà Thanh	Dương	10/12/1993	Nam	2.64	Khá	826/2016
7	11112271	Nguyễn Thị	Đông	10/05/1992	Nữ	3.18	Khá	827/2016
8	11112287	Trần Thị Tố	Quyên	30/01/1993	Nữ	2.99	Khá	828/2016
DH12CN								
1	12111033	Nguyễn Thị	Điệp	15/09/1993	Nữ	2.78	Khá	829/2016
2	12111078	Lê Thị	Thương	23/05/1993	Nữ	2.94	Khá	830/2016
3	12111103	Phan Thị Hàn	My	24/05/1994	Nữ	3.11	Khá	831/2016
4	12111134	Lê Thị Thu	Dị	04/07/1994	Nữ	2.83	Khá	832/2016
5	12111253	Nguyễn Thị Minh	Oanh	15/11/1994	Nữ	3.04	Khá	833/2016
6	12111255	Hoàng Quốc	Việt	08/01/1994	Nam	2.84	Khá	834/2016
7	12111267	Phan Xuân	Hậu	12/10/1994	Nam	2.88	Khá	835/2016
8	12111275	Phạm Thị Thu	Lài	22/06/1994	Nữ	2.95	Khá	836/2016
9	12111280	Nguyễn Đức	Mạnh	20/05/1994	Nam	2.67	Khá	837/2016
10	12111290	Dương Hồng	Phát	08/11/1994	Nam	2.77	Khá	838/2016
11	12111297	Nguyễn Mạnh	Tiến	25/08/1993	Nam	3.03	Khá	839/2016
12	12111306	Lê Khánh	Tường	20/04/1994	Nam	2.56	Khá	840/2016
13	12111320	Phan Nhất	Linh	20/06/1994	Nữ	2.88	Khá	841/2016
DH12TA								
1	12111020	Trần Nguyên Phương	Cơ	17/02/1994	Nữ	3.00	Khá	842/2016
2	12111025	Nguyễn Thị	Nhung	23/02/1994	Nữ	2.89	Khá	843/2016
3	12111117	Bùi Thị Thúy	Mai	20/11/1994	Nữ	2.53	Khá	844/2016
4	12111133	Phan Thị Khánh	Trinh	15/10/1993	Nữ	2.65	Khá	845/2016
5	12111147	Lê Thành	Nhuận	02/04/1994	Nam	2.69	Khá	846/2016
6	12111219	Trần Thị Thu	Tuyền	09/02/1994	Nữ	2.84	Khá	847/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	12111310	Võ Thị Trúc	Vy	09/06/1994	Nữ	3.08	Khá	848/2016
Công nghệ hóa học								
DH09HH17								
1	09139045	Lê Văn	Hào	24/10/1991	Nam	2.44	Trung bình	849/2016
DH10HH								
1	10139102	Đỗ Đức	Khiêm	03/02/1992	Nam	2.25	Trung bình	850/2016
DH11HH								
1	11139009	Mai A	Ly	10/07/1992	Nam	2.91	Khá	851/2016
DH12HH								
1	12139001	Nguyễn Hồ Quế	Anh	07/03/1994	Nữ	2.71	Khá	852/2016
2	12139014	Nguyễn Thị Tố	Quyên	02/10/1994	Nữ	2.91	Khá	853/2016
3	12139017	Ngô Thị Thanh	Tâm	12/07/1994	Nữ	2.80	Khá	854/2016
4	12139035	Trần Thị Kim	Hoàng	18/12/1994	Nữ	3.04	Khá	855/2016
5	12139066	Nguyễn Thị	Linh	27/10/1994	Nữ	3.15	Khá	856/2016
6	12139086	Châu Tấn	Phong	28/12/1994	Nam	2.83	Khá	857/2016
7	12139122	Lâm Quốc	Duy	10/03/1994	Nam	3.02	Khá	858/2016
Kinh tế								
DH10KE								
1	10123207	Võ Viết	Trung	27/07/1992	Nam	2.65	Khá	859/2016
DH10KEGL								
1	10123313	Võ Thị Mai	Thảo	23/04/1992	Nữ	2.59	Khá	860/2016
DH10KN								
1	10155012	Thạch Thị Tô	La	/ /1990	Nữ	2.78	Khá	861/2016
DH10QT								
1	10122057	Hoàng Thị	Hoa	10/03/1992	Nữ	3.03	Khá	862/2016
2	10122139	Giòng Vy	Tân	23/04/1991	Nam	2.70	Khá	863/2016
DH11KE								
1	11123054	Phạm Thị Thu	Tường	17/08/1993	Nữ	3.07	Khá	864/2016
DH11KM								
1	11143144	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	28/04/1993	Nữ	2.57	Khá	865/2016
2	11143181	Phan Thị	Châu	06/02/1993	Nữ	2.43	Trung bình	866/2016
3	11143212	Nguyễn Thị	Hiền	25/04/1993	Nữ	2.81	Khá	867/2016
4	11143237	Đặng Thị	Nga	10/08/1993	Nữ	3.32	Giỏi	868/2016
DH11KN								
1	11155007	Văn Thị	Phương	05/03/1993	Nữ	2.58	Khá	869/2016
2	11155025	Châu Thị Kim	Phụng	24/01/1993	Nữ	3.04	Khá	870/2016
DH11KT								
1	11120012	Bùi Văn	Tài	20/05/1993	Nam	2.98	Khá	871/2016
2	11120085	Ngô Văn	Dương	28/09/1986	Nam	2.63	Khá	872/2016
3	11120123	Phạm Thị Bích	Trâm	17/07/1993	Nữ	2.62	Khá	873/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH11QT								
1	11122005	Lê Văn	Đức	28/09/1991	Nam	3.09	Khá	874/2016
2	11122061	Võ Thị Xuân	Dung	24/08/1993	Nữ	2.73	Khá	875/2016
3	11122083	Phạm Nguyễn Phi	Long	18/08/1993	Nam	2.69	Khá	876/2016
DH12KE								
1	12123029	Phạm Thị Hoàng	Kim	03/09/1994	Nữ	2.69	Khá	877/2016
2	12123059	Nguyễn Hoài Hưng	Trinh	15/07/1994	Nữ	2.87	Khá	878/2016
3	12123063	Nguyễn Thị	Vi	08/05/1994	Nữ	2.68	Khá	879/2016
4	12123117	Nguyễn Thị	Hà	25/02/1994	Nữ	2.68	Khá	880/2016
5	12123145	Huỳnh Thị ánh	Minh	18/09/1994	Nữ	2.77	Khá	881/2016
6	12123171	Phạm Thị Phương	Thảo	12/12/1993	Nữ	3.07	Khá	882/2016
7	12123203	Đỗ Thị Cẩm	Vân	29/09/1994	Nữ	2.72	Khá	883/2016
8	12123218	Nguyễn Thị Như	ý	25/11/1994	Nữ	2.84	Khá	884/2016
9	12123223	Trần Chí	Khang	27/10/1992	Nam	2.66	Khá	885/2016
10	12123232	Đỗ Thị Thúy	Hằng	19/09/1994	Nữ	2.57	Khá	886/2016
11	12123233	Bùi Thị ánh	Hoa	20/02/1994	Nữ	2.52	Khá	887/2016
12	12123237	Nguyễn Thị Thanh	Phương	19/03/1994	Nữ	2.85	Khá	888/2016
13	12123257	Mai	Thi	16/08/1992	Nữ	2.72	Khá	889/2016
DH12KEGL								
1	12123076	Trần Thị	Hương	27/11/1993	Nữ	3.61	Xuất sắc	890/2016
2	12123269	Trần Thị Lan	Phương	01/04/1994	Nữ	3.31	Giỏi	891/2016
DH12KM								
1	12120010	Phan Hoàng	Nam	27/05/1994	Nam	2.52	Khá	892/2016
2	12120050	Cao Thị Huỳnh	Dao	30/01/1994	Nữ	2.69	Khá	893/2016
3	12120066	Dương Ngọc Bảo	Hân	15/08/1994	Nữ	2.82	Khá	894/2016
4	12120083	Phan Thị	Lài	20/09/1994	Nữ	2.98	Khá	895/2016
5	12120087	Trần Thị Nhạn	Linh	07/04/1994	Nữ	2.73	Khá	896/2016
6	12120090	Trần Bảo	Long	26/03/1993	Nam	2.71	Khá	897/2016
7	12120092	Nguyễn Hoàng Duy	Luyn	10/10/1993	Nam	2.97	Khá	898/2016
8	12120093	Phạm Phương	Mai	25/06/1994	Nữ	2.84	Khá	899/2016
9	12120100	Võ Nhật Kim	Ngân	06/12/1994	Nữ	2.88	Khá	900/2016
10	12120107	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	03/01/1994	Nữ	2.79	Khá	901/2016
11	12120111	Lê Thị Kim	Oanh	25/08/1994	Nữ	2.58	Khá	902/2016
12	12120140	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/05/1994	Nữ	2.86	Khá	903/2016
13	12120147	Thái Nguyễn Minh	Trang	01/01/1994	Nữ	3.16	Khá	904/2016
14	12120177	Bùi Thị Xuân	Thu	15/11/1994	Nữ	2.71	Khá	905/2016
15	12120182	Nguyễn Mai	Cường	07/09/1994	Nam	2.97	Khá	906/2016
16	12120201	Phan Thị Anh	Thi	19/11/1994	Nữ	2.78	Khá	907/2016
17	12120202	Nguyễn Thị Mộng	Thúy	08/06/1994	Nữ	2.87	Khá	908/2016
18	12120239	Nguyễn Thị Thùy	Ngoan	21/07/1993	Nữ	2.57	Khá	909/2016
19	12120245	K' Anh	Phúc	07/10/1993	Nam	3.04	Khá	910/2016
20	12120254	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	23/01/1994	Nữ	3.06	Khá	911/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
21	12120265	Phạm Đăng	Duy	05/10/1994	Nam	2.75	Khá	912/2016
22	12120270	Nguyễn Thị	Dung	15/03/1994	Nữ	2.97	Khá	913/2016
23	12120275	Tạ Siêu	Minh	16/08/1993	Nam	2.74	Khá	914/2016
24	12120296	Nguyễn Thanh	Hoàng	05/04/1994	Nam	2.83	Khá	915/2016
25	12120361	Nguyễn Thị	Chi	19/02/1994	Nữ	3.30	Giỏi	916/2016
26	12120399	Lê Thị Ngọc	Minh	23/12/1994	Nữ	2.77	Khá	917/2016
27	12120400	Đồng Đơn	Định	24/07/1994	Nam	2.69	Khá	918/2016
28	12120409	Lê Hoàng	Yến	04/10/1994	Nữ	3.08	Khá	919/2016
29	12120448	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	13/03/1994	Nữ	2.81	Khá	920/2016
30	12120544	Bùi Thị Hồng	Thắm	14/07/1993	Nữ	3.11	Khá	921/2016
31	12120549	Lê Thị	Hiền	10/03/1994	Nữ	2.55	Khá	922/2016
32	12120582	Lê Bá Trọng	Đức	15/09/1992	Nam	2.85	Khá	923/2016
33	12120584	Nguyễn Thị	Hoài	26/11/1993	Nữ	3.07	Khá	924/2016
34	12120592	Đặng Công	Hậu	04/04/1994	Nam	2.64	Khá	925/2016
35	12120625	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	15/09/1994	Nữ	2.84	Khá	926/2016
DH12KN								
1	12155003	Ngô Võ Huyền	Trâm	04/12/1994	Nữ	2.71	Khá	927/2016
2	12155007	Đặng Thị Xuân	Mai	10/12/1993	Nữ	3.01	Khá	928/2016
3	12155147	Bùi Thị	Oanh	22/05/1994	Nữ	2.63	Khá	929/2016
4	12155156	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	08/06/1994	Nữ	2.67	Khá	930/2016
DH12KT								
1	12120002	Nguyễn Văn	Đức	25/10/1994	Nam	2.73	Khá	931/2016
2	12120006	Nguyễn Thị Lan	Hương	12/07/1994	Nữ	2.85	Khá	932/2016
3	12120024	Lê Thị Quỳnh	Trâm	24/02/1994	Nữ	3.01	Khá	933/2016
4	12120028	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	07/02/1994	Nữ	3.50	Giỏi	934/2016
5	12120030	Nguyễn Thị Trúc	Linh	04/09/1994	Nữ	3.26	Giỏi	935/2016
6	12120032	Huỳnh Thế	Trung	11/07/1994	Nam	2.97	Khá	936/2016
7	12120033	Đặng Thị Mỹ	Hương	06/01/1994	Nữ	3.05	Khá	937/2016
8	12120041	Thái Thanh Thúy	An	04/04/1993	Nữ	2.69	Khá	938/2016
9	12120086	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	20/04/1994	Nữ	2.95	Khá	939/2016
10	12120110	Lê Thị	Nữ	12/08/1994	Nữ	3.45	Giỏi	940/2016
11	12120132	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	17/01/1994	Nữ	3.25	Giỏi	941/2016
12	12120291	Phạm Trọng	Tiến	04/10/1994	Nam	2.92	Khá	942/2016
13	12120327	Lê Đình Phi	Long	28/02/1994	Nam	2.68	Khá	943/2016
14	12120354	Trần Thị	Ngân	28/10/1994	Nữ	3.41	Giỏi	944/2016
15	12120397	Lê Thị	Chung	25/03/1993	Nữ	2.81	Khá	945/2016
16	12120512	Đặng Thị	Quý	06/08/1994	Nữ	3.33	Giỏi	946/2016
17	12120587	Đặng Ngọc	Lệ	01/09/1993	Nữ	3.05	Khá	947/2016
18	12120603	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	15/05/1994	Nữ	2.70	Khá	948/2016
DH12QT								
1	12122022	Lê Thanh	Huy	30/03/1994	Nam	3.01	Khá	949/2016
2	12122037	Dương Thị Bích	Ngọc	14/10/1993	Nữ	2.90	Khá	950/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	12122056	Huỳnh Thị Thanh	Thuận	07/01/1994	Nữ	2.94	Khá	951/2016
4	12122076	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	22/12/1994	Nữ	3.32	Giỏi	952/2016
5	12122083	Nguyễn Văn	Cường	19/09/1993	Nam	3.09	Khá	953/2016
6	12122098	Trần Thị Kim	Anh	29/06/1994	Nữ	3.30	Giỏi	954/2016
7	12122147	Trịnh Thị Thu	Tuyền	24/04/1994	Nữ	2.84	Khá	955/2016
8	12122166	Phạm Duy	Linh	10/04/1993	Nam	2.92	Khá	956/2016
9	12122189	Mai Thị Kim	Nhã	26/12/1994	Nữ	2.99	Khá	957/2016
10	12122205	Đặng Hoàng	Phúc	18/09/1994	Nam	2.87	Khá	958/2016
11	12122310	Lê Thị	Thảo	06/11/1994	Nữ	3.19	Khá	959/2016
12	12122314	Đinh Thị Ngọc	Trinh	24/04/1994	Nữ	2.90	Khá	960/2016
13	12122333	Nguyễn Thị	Ngọc	10/01/1994	Nữ	2.66	Khá	961/2016
DH12TC								
1	12122214	Lê Thị	Quỳnh	06/09/1994	Nữ	2.79	Khá	962/2016
2	12122300	Đặng Thị	Hằng	13/08/1993	Nữ	3.00	Khá	963/2016
DH12TM								
1	12122042	Trần Quang	Phúc	17/10/1987	Nam	3.09	Khá	964/2016
2	12122055	Nguyễn Văn	Thông	16/08/1993	Nam	2.92	Khá	965/2016
3	12122235	Nguyễn Thị Anh	Thư	27/05/1994	Nữ	3.34	Giỏi	966/2016
4	12122272	Lê Thị Tường	Vy	30/06/1994	Nữ	2.89	Khá	967/2016
5	12122274	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	02/06/1994	Nữ	3.21	Giỏi	968/2016
6	12122285	Sơn Từ Thái Mỹ	Lăng	05/01/1994	Nữ	2.86	Khá	969/2016
7	12122290	Hồ Hữu	Toàn	28/02/1994	Nam	3.07	Khá	970/2016
8	12122296	Mai Thị	Diễm	30/07/1994	Nữ	3.21	Giỏi	971/2016
9	12122302	Nguyễn Thị Hưng	Ngân	12/06/1994	Nữ	3.21	Giỏi	972/2016
DH13QT								
1	13122067	Huỳnh Lê Tuấn	Khanh	01/01/1994	Nam	2.97	Khá	973/2016
LT12KEA								
1	12423060	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	29/09/1988	Nữ	3.41	Giỏi	974/2016
2	12423130	Phạm Thị Ngọc	Sương	18/07/1991	Nữ	3.34	Giỏi	975/2016
3	12423143	Đoàn Thị	Thắm	02/01/1988	Nữ	3.35	Giỏi	976/2016
LT14QT								
1	14422001	Cao Thái	Bảo	19/02/1992	Nam	3.27	Giỏi	977/2016
Lâm nghiệp								
DH11NK								
1	11146010	Bùi Minh	Hải	12/03/1991	Nam	2.83	Khá	978/2016
DH11QR								
1	11147003	Hà Công	Thành	25/05/1992	Nam	2.78	Khá	979/2016
2	11147065	Nguyễn Duy	Danh	10/10/1993	Nam	2.46	Trung bình	980/2016
DH12CB								
1	12115018	Dương Văn	Hoàng	10/03/1994	Nam	2.41	Trung bình	981/2016
2	12115056	Trần Hữu	Tính	09/12/1994	Nam	2.93	Khá	982/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	12115071	Lê Thị Trúc	Đào	17/04/1994	Nữ	3.00	Khá	983/2016
4	12115084	Trần Thị	Lợi	19/11/1993	Nữ	3.05	Khá	984/2016
5	12115156	Trần Thị Thùy	Trang	02/04/1994	Nữ	2.77	Khá	985/2016
6	12115203	Thân Thị Mộng	Quỳnh	09/09/1993	Nữ	3.06	Khá	986/2016
7	12115207	Trần Hà	Hương	15/12/1994	Nữ	3.00	Khá	987/2016
8	12115271	Đặng Hoàng	Phép	01/01/1994	Nam	2.94	Khá	988/2016
9	12115318	Hồ Thùy	Linh	03/09/1994	Nữ	2.90	Khá	989/2016
DH12GN								
1	12115004	Trương Thị	Huyền	14/09/1994	Nữ	2.94	Khá	990/2016
2	12115234	Nguyễn Anh	Dũng	20/07/1993	Nam	2.67	Khá	991/2016
3	12115275	Thái Kim	Thùy	24/04/1994	Nữ	2.95	Khá	992/2016
DH12LN								
1	12114001	Nguyễn Quốc	Anh	10/11/1994	Nam	2.85	Khá	993/2016
DH12NK								
1	12114022	Trần Văn	Chung	20/10/1994	Nam	2.70	Khá	994/2016
2	12114082	Nguyễn Trúc	Quỳnh	17/10/1994	Nữ	2.58	Khá	995/2016
3	12114123	Ngô Văn	Giáp	16/02/1994	Nam	2.47	Trung bình	996/2016
4	12114134	Trần Thị Thu	Hiền	10/09/1993	Nữ	2.89	Khá	997/2016
5	12114223	Bùi Văn	Thòa	03/07/1993	Nam	2.48	Trung bình	998/2016
DH12QR								
1	12114085	Trần Tú	Sang	10/08/1994	Nam	2.66	Khá	999/2016
2	12114087	Hà Thủy	Thanh	26/06/1994	Nam	2.65	Khá	1000/2016
3	12114139	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/05/1993	Nữ	2.65	Khá	1001/2016
Môi trường và Tài nguyên								
DH10DL								
1	10157022	Nguyễn Văn	Chiến	26/10/1992	Nam	2.68	Khá	1002/2016
2	10157084	Nguyễn Thị	Lén	16/12/1992	Nữ	2.93	Khá	1003/2016
DH10GE								
1	10173036	Ngô Thị Ngọc	Tuyền	25/06/1992	Nữ	2.73	Khá	1004/2016
DH10QM								
1	10149067	Trần Thị Minh	Hoàng	02/02/1992	Nữ	2.77	Khá	1005/2016
DH11CH								
1	11131005	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	19/07/1993	Nữ	3.29	Giỏi	1006/2016
2	11131010	Phan Nguyễn Trường	An	22/10/1993	Nam	2.67	Khá	1007/2016
3	11131024	Phạm Lê Thảo	Hương	25/06/1993	Nữ	3.31	Giỏi	1008/2016
4	11131035	Nguyễn Huy	Lượng	31/10/1993	Nam	3.13	Khá	1009/2016
5	11131044	Nguyễn Khắc Minh	Nhựt	09/10/1993	Nam	3.04	Khá	1010/2016
6	11131047	Lê Hương Ngọc	Quỳnh	06/09/1993	Nữ	3.03	Khá	1011/2016
7	11131064	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	20/01/1993	Nữ	2.84	Khá	1012/2016
8	11131075	Nguyễn Vũ Anh	Minh	26/12/1993	Nam	2.58	Khá	1013/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH11DL								
1	11157119	Vương Thị Thu	Hà	03/02/1993	Nữ	2.55	Khá	1014/2016
2	11157164	Trần Song	Khôi	26/11/1990	Nam	2.52	Khá	1015/2016
3	11157181	Trịnh Thị ái	Linh	21/11/1993	Nữ	2.77	Khá	1016/2016
4	11157193	Huỳnh Văn	Mới	03/01/1993	Nam	2.81	Khá	1017/2016
5	11157202	Đỗ Vạn	Năng	14/06/1993	Nam	2.81	Khá	1018/2016
6	11157210	Lê Mẫn	Nghi	12/11/1993	Nữ	2.78	Khá	1019/2016
7	11157267	Võ Ngọc	Sơn	01/05/1993	Nam	2.67	Khá	1020/2016
8	11157313	Đỗ Ngọc Thiên	Trang	03/08/1993	Nữ	2.90	Khá	1021/2016
9	11157380	Phạm Minh	Tâm	06/03/1993	Nam	2.80	Khá	1022/2016
10	11157416	Lê Thị Mỹ	Nhung	09/12/1993	Nữ	2.74	Khá	1023/2016
11	11157449	Ya	Giáng	04/11/1991	Nam	2.74	Khá	1024/2016
12	11157450	Triệu Minh	Hiếu	01/10/1990	Nam	2.72	Khá	1025/2016
DH11MT								
1	11127072	Nguyễn Duy Anh	Dũng	16/10/1993	Nam	2.84	Khá	1026/2016
2	11127141	Trịnh Vũ	Nam	31/10/1993	Nam	2.57	Khá	1027/2016
3	11127202	Dương Minh	Thái	12/04/1992	Nam	2.75	Khá	1028/2016
DH11QM								
1	11149032	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	20/08/1993	Nữ	2.58	Khá	1029/2016
2	11149065	Hồ Thị Ngọc	Yến	23/03/1993	Nữ	2.95	Khá	1030/2016
3	11149135	Lê Văn	Dũng	29/05/1993	Nam	2.69	Khá	1031/2016
4	11149437	Nguyễn Huỳnh Thanh	Võ	28/10/1993	Nam	2.71	Khá	1032/2016
DH11QMGL								
1	11149645	Lê Ngọc	Hoàng	10/09/1993	Nam	2.88	Khá	1033/2016
2	11149655	Mai Chí	Linh	03/05/1992	Nam	2.66	Khá	1034/2016
DH11TK								
1	11160109	Phạm Thị	Tuyết	18/06/1993	Nữ	2.78	Khá	1035/2016
DH12DL								
1	11157442	Nguyễn Phước	Tuấn	13/01/1993	Nam	2.83	Khá	1036/2016
2	12149016	Đinh Thị Thùy	Đương	06/09/1994	Nữ	2.68	Khá	1037/2016
3	12149050	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	15/07/1994	Nữ	3.08	Khá	1038/2016
4	12149051	Phạm Thị Cẩm	Nhung	20/10/1994	Nữ	2.95	Khá	1039/2016
5	12149057	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	30/04/1994	Nữ	2.97	Khá	1040/2016
6	12149064	Huỳnh Thị Minh	Thanh	24/11/1994	Nữ	2.83	Khá	1041/2016
7	12149069	Trần Phương	Thảo	02/03/1994	Nữ	2.79	Khá	1042/2016
8	12149082	Nguyễn Thị Như	Trang	10/09/1994	Nữ	2.95	Khá	1043/2016
9	12149085	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	18/08/1994	Nữ	2.98	Khá	1044/2016
10	12149086	Võ Minh	Trí	15/01/1994	Nam	2.75	Khá	1045/2016
11	12149094	Phạm Tấn	Vương	17/10/1994	Nam	2.91	Khá	1046/2016
12	12149096	Lâm Kim	Yến	22/08/1994	Nữ	2.75	Khá	1047/2016
13	12149386	Nguyễn Uyên Ngọc	Sang	22/11/1994	Nữ	3.11	Khá	1048/2016
14	12149428	Nguyễn Thị Linh	Thảo	27/06/1994	Nữ	2.84	Khá	1049/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
15	12149529	Đinh Thị Thùy	Vân	25/03/1994	Nữ	3.08	Khá	1050/2016
16	12149610	Trần Thị	Nhung	27/01/1994	Nữ	2.92	Khá	1051/2016
DH12QM								
1	12149003	Nguyễn Phương	Anh	22/08/1994	Nữ	2.88	Khá	1052/2016
2	12149010	Nguyễn Hồng	Chúc	06/06/1994	Nữ	3.19	Khá	1053/2016
3	12149031	Dương Bá	Hùng	03/05/1994	Nam	2.82	Khá	1054/2016
4	12149053	Phan Thị Mai	Phương	21/11/1994	Nữ	2.96	Khá	1055/2016
5	12149058	Trần Khánh	Sang	27/12/1994	Nam	2.68	Khá	1056/2016
6	12149065	Nguyễn Văn	Thanh	08/10/1994	Nam	3.02	Khá	1057/2016
7	12149107	Vương Thị	Chương	05/04/1993	Nữ	2.95	Khá	1058/2016
8	12149129	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/02/1994	Nữ	2.89	Khá	1059/2016
9	12149132	Phạm Thị Thảo	Anh	14/06/1994	Nữ	3.02	Khá	1060/2016
10	12149133	Phú Hoàng Tuấn	Anh	18/01/1994	Nam	3.03	Khá	1061/2016
11	12149141	Nguyễn Ngọc	Cang	26/10/1994	Nữ	3.13	Khá	1062/2016
12	12149150	Trần Quang	Của	19/08/1994	Nam	2.96	Khá	1063/2016
13	12149169	Phạm Khắc	Dương	01/05/1993	Nam	2.88	Khá	1064/2016
14	12149172	Huỳnh Thị Hồng	Đào	20/04/1994	Nữ	2.64	Khá	1065/2016
15	12149246	Tạ Thị Khánh	Huyền	27/07/1994	Nữ	3.04	Khá	1066/2016
16	12149269	Lê Cảnh Đăng	Khoa	18/09/1991	Nam	2.97	Khá	1067/2016
17	12149322	Trịnh Văn	Nghĩa	10/04/1994	Nam	3.06	Khá	1068/2016
18	12149323	Vũ Thị	Ngoãn	05/06/1994	Nữ	2.67	Khá	1069/2016
19	12149324	Lê Hồ Nguyên	Ngọc	31/05/1994	Nữ	2.87	Khá	1070/2016
20	12149348	Trần Mỹ	Nương	06/06/1994	Nữ	2.79	Khá	1071/2016
21	12149400	Lê Thị Linh	Tâm	04/04/1994	Nữ	3.18	Khá	1072/2016
22	12149425	Lê Thị	Thảo	01/11/1994	Nữ	2.90	Khá	1073/2016
23	12149489	Phạm Thị Thu	Trang	24/08/1994	Nữ	2.89	Khá	1074/2016
24	12149491	Lê Thị Ngọc	Trâm	23/05/1994	Nữ	2.94	Khá	1075/2016
25	12149566	Trần Thị Lan	Anh	17/12/1994	Nữ	2.74	Khá	1076/2016
26	12149568	Hà Hồng	Cẩm	10/08/1994	Nữ	3.30	Giỏi	1077/2016
27	12149634	Trịnh Thu	Thủy	18/08/1994	Nữ	3.36	Giỏi	1078/2016
28	12149636	Huỳnh Thị Hoài	Thương	08/09/1994	Nữ	3.20	Giỏi	1079/2016
29	12149665	Tần Thị Thanh	Lịch	10/01/1994	Nữ	2.68	Khá	1080/2016
30	12149667	Lê Thị Tuyết	Mai	24/12/1994	Nữ	3.00	Khá	1081/2016
31	12149685	Tou Plui	Lụa	30/04/1993	Nữ	2.61	Khá	1082/2016
32	12149686	Lư Thị	Nậm	20/11/1993	Nữ	2.80	Khá	1083/2016
DH12TK								
1	12131016	Trần Ngọc Thái	An	08/09/1994	Nữ	3.15	Khá	1084/2016
2	12131100	Nguyễn Thảo	Linh	24/04/1994	Nữ	2.97	Khá	1085/2016
3	12131192	Võ Thị Thu	Sương	27/07/1993	Nữ	3.00	Khá	1086/2016
4	12131196	Nguyễn Thị Thanh	Vân	04/10/1994	Nữ	3.15	Khá	1087/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Nông học								
DH10NH								
1	10113227	Chau Kim	Sương	01/01/1990	Nam	2.74	Khá	1088/2016
DH11BV								
1	11145054	Đặng Quốc	Chương	31/08/1993	Nam	2.78	Khá	1089/2016
2	11145102	Mai Khánh	Linh	23/04/1993	Nam	2.58	Khá	1090/2016
3	11145169	Huỳnh Chánh	Tính	13/03/1993	Nam	2.72	Khá	1091/2016
4	11145239	Bùi Quốc	Anh	20/04/1993	Nam	2.92	Khá	1092/2016
5	11145242	Đồng Quang	Cường	28/04/1993	Nam	2.50	Khá	1093/2016
DH11NH								
1	11113013	Bùi Quốc	Hòa	23/10/1992	Nam	2.48	Trung bình	1094/2016
2	11113026	Nguyễn Văn	Phúc	08/11/1992	Nam	3.09	Khá	1095/2016
3	11113144	Nguyễn Quang	Minh	07/09/1993	Nam	2.38	Trung bình	1096/2016
4	11113158	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	15/06/1993	Nữ	2.72	Khá	1097/2016
5	11113163	Lê Duy	Phú	29/11/1992	Nam	2.37	Trung bình	1098/2016
6	11113322	Trần Quốc	Thái	07/09/1992	Nam	2.50	Khá	1099/2016
DH11NHGL								
1	11113306	Nguyễn Thị Thanh	Hải	06/09/1993	Nữ	2.98	Khá	1100/2016
2	11113317	Trần Quốc	Sỹ	24/11/1992	Nam	2.62	Khá	1101/2016
DH12BVA								
1	12112108	Lê Thị	Giàu	10/02/1994	Nữ	3.21	Giỏi	1102/2016
2	12145018	Nguyễn Hoàng	Nam	15/09/1994	Nam	2.72	Khá	1103/2016
3	12145028	Trần Thị Thu	Phương	27/08/1994	Nữ	3.14	Khá	1104/2016
4	12145056	Khưu Chí	Khang	02/12/1994	Nam	3.38	Giỏi	1105/2016
5	12145073	Vũ Thị Thanh	Tuyền	12/02/1994	Nữ	3.49	Giỏi	1106/2016
6	12145081	Trần Hoàng	Ân	03/04/1994	Nữ	3.13	Khá	1107/2016
7	12145089	Lương Thị Phương	Châu	13/06/1994	Nữ	3.49	Giỏi	1108/2016
8	12145098	Nguyễn Thị	Dung	19/11/1994	Nữ	3.21	Giỏi	1109/2016
9	12145100	Trần Lê	Duy	13/11/1994	Nam	2.90	Khá	1110/2016
10	12145108	Võ Văn	Gác	1994	Nam	3.24	Giỏi	1111/2016
11	12145127	Nguyễn Anh	Khoa	25/01/1994	Nam	3.46	Giỏi	1112/2016
12	12145279	Trịnh Văn	Cháng	19/05/1994	Nam	2.81	Khá	1113/2016
13	12145287	Phạm Thị Thúy	Loan	03/02/1994	Nữ	3.32	Giỏi	1114/2016
DH12BVB								
1	12145042	Võ Thị Ngọc	Tỷ	19/10/1994	Nữ	3.04	Khá	1115/2016
2	12145054	Đỗ Thị Kim	Hạnh	11/01/1994	Nữ	3.19	Khá	1116/2016
3	12145097	Trần Thị Kiều	Diễm	02/12/1994	Nữ	2.83	Khá	1117/2016
4	12145111	Lê Thị	Hằng	25/10/1994	Nữ	3.08	Khá	1118/2016
5	12145115	Bùi Thị	Hoa	30/08/1994	Nữ	3.32	Giỏi	1119/2016
6	12145135	Đinh Chí	Linh	07/07/1994	Nam	2.63	Khá	1120/2016
7	12145158	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	17/02/1994	Nữ	3.32	Giỏi	1121/2016
8	12145221	Trần Quốc	Vui	15/02/1994	Nam	3.35	Giỏi	1122/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
9	12145240	Châu Tiền	Giang	14/07/1994	Nam	3.27	Giỏi	1123/2016
DH12NHA								
1	12113002	Lê Thị Kim	Anh	27/06/1994	Nữ	3.26	Giỏi	1124/2016
2	12113042	Trương Hoài	Nhân	25/02/1994	Nam	2.74	Khá	1125/2016
3	12113094	Hà Thị	ánh	24/07/1994	Nữ	3.03	Khá	1126/2016
4	12113122	Nguyễn Văn	Đạt	20/12/1994	Nam	3.37	Giỏi	1127/2016
5	12113130	Nguyễn Thị Thu	Hà	19/10/1994	Nữ	2.65	Khá	1128/2016
6	12113156	Trần Thị Minh	Khang	08/12/1994	Nữ	3.32	Giỏi	1129/2016
7	12113161	Ngô Thị Minh	Khuê	01/04/1994	Nữ	3.37	Giỏi	1130/2016
8	12113164	Hoàng Văn	Kỳ	20/12/1992	Nam	2.80	Khá	1131/2016
9	12113238	Lê Thành	Rạng	19/12/1994	Nam	2.82	Khá	1132/2016
10	12113270	Nguyễn Thị Ngọc Kim	Thoa	12/01/1994	Nữ	3.24	Giỏi	1133/2016
11	12113277	Đỗ Hoàng	Thức	25/08/1994	Nam	2.89	Khá	1134/2016
12	12113288	Đặng Thị Ngọc	Trang	22/09/1994	Nữ	3.48	Giỏi	1135/2016
13	12113294	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	01/11/1994	Nữ	3.05	Khá	1136/2016
14	12113307	Trương Minh	Tường	14/04/1994	Nam	2.98	Khá	1137/2016
15	12113312	Nguyễn Thị Thanh	Vân	16/09/1994	Nữ	2.88	Khá	1138/2016
16	12113343	Trần Thị Thu	Hương	12/07/1994	Nữ	3.03	Khá	1139/2016
17	12113360	Nguyễn Văn	Tuấn	03/10/1994	Nam	2.98	Khá	1140/2016
DH12NHB								
1	12113040	Trương Thị Bích	Ngọc	13/10/1994	Nữ	3.13	Khá	1141/2016
2	12113067	Huỳnh Công	Trường	10/05/1994	Nam	3.31	Giỏi	1142/2016
3	12113071	Võ Thị Bạch	Tuyết	28/04/1994	Nữ	3.18	Khá	1143/2016
4	12113075	Lâm Thị Bảo	Chăm	12/05/1994	Nữ	2.82	Khá	1144/2016
5	12113105	Mai Hữu	Cường	25/03/1994	Nam	2.87	Khá	1145/2016
6	12113111	Nguyễn Hạnh	Duy	15/04/1994	Nữ	3.13	Khá	1146/2016
7	12113174	Nguyễn Thị Trúc	Linh	19/10/1994	Nữ	3.21	Giỏi	1147/2016
8	12113200	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	22/06/1994	Nữ	3.03	Khá	1148/2016
9	12113211	Nguyễn Khắc	Nhu	10/01/1994	Nam	3.24	Giỏi	1149/2016
10	12113278	Đỗ Hữu	Thức	05/02/1994	Nam	2.61	Khá	1150/2016
11	12113309	Nguyễn Phú	Văn	17/11/1994	Nam	2.91	Khá	1151/2016
DH12NHC								
1	12113012	Võ Thị Hồng	Đào	01/07/1994	Nữ	2.94	Khá	1152/2016
2	12113028	Trương Thị Ngọc	Liên	08/09/1993	Nữ	3.13	Khá	1153/2016
3	12113076	Nguyễn Thị Phượng	Hằng	20/05/1994	Nữ	3.12	Khá	1154/2016
4	12113087	Nguyễn Thị Phương	Thắm	28/11/1994	Nữ	3.24	Giỏi	1155/2016
5	12113092	Hoàng Thị Ngọc	Anh	15/03/1993	Nữ	3.30	Giỏi	1156/2016
6	12113106	Trần Văn	Cường	10/01/1994	Nam	3.49	Giỏi	1157/2016
7	12113119	Đinh Thị	Đào	24/10/1994	Nữ	3.08	Khá	1158/2016
8	12113155	Lê Gia	Khang	16/02/1994	Nam	2.79	Khá	1159/2016
9	12113163	Nguyễn Cao	Kiệt	04/08/1994	Nam	2.83	Khá	1160/2016
10	12113195	Trần Trọng	Nghĩa	05/11/1994	Nam	3.11	Khá	1161/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
11	12113201	Trần Thị Thu	Nguyệt	23/09/1994	Nữ	2.97	Khá	1162/2016
12	12113292	Đỗ Thị Bích	Trâm	14/03/1994	Nữ	2.94	Khá	1163/2016
13	12113305	Nguyễn Thanh	Tùng	05/03/1994	Nam	3.09	Khá	1164/2016
14	12113355	Hoàng Thị	Thùy	08/10/1994	Nữ	3.17	Khá	1165/2016
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH10AV								
1	10128032	Cao Thị	Hồng	04/11/1992	Nữ	2.59	Khá	1166/2016
DH10SP								
1	10132021	Mai Thanh	Tâm	15/12/1987	Nam	2.45	Trung bình	1167/2016
2	10132026	Nguyễn Bá Tùng	Sang	16/07/1991	Nam	2.95	Khá	1168/2016
DH11AV								
1	11128030	Trần Thị Mỹ	Hạnh	25/08/1992	Nữ	3.44	Giỏi	1169/2016
2	11128129	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	10/12/1992	Nữ	2.71	Khá	1170/2016
DH12SP								
1	12132006	Đồng Văn	Bảo	07/08/1994	Nam	2.61	Khá	1171/2016
2	12132011	Bùi Thị Ngọc	Hân	03/09/1994	Nữ	3.14	Khá	1172/2016
3	12132029	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	21/08/1993	Nữ	3.17	Khá	1173/2016
4	12132035	Nguyễn Thị Kiều	Ly	09/09/1994	Nữ	3.22	Giỏi	1174/2016
5	12132049	Lê Thị Lệ	Sương	17/01/1994	Nữ	2.78	Khá	1175/2016
6	12132053	Trần Thị	Thuận	04/04/1994	Nữ	2.88	Khá	1176/2016
7	12132067	Nguyễn Thị Kim	Nhung	27/07/1994	Nữ	3.20	Giỏi	1177/2016
8	12132068	Phạm Thị Anh	Thư	05/09/1994	Nữ	3.19	Khá	1178/2016
9	12132077	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/04/1994	Nữ	3.09	Khá	1179/2016
10	12132092	Đoàn Hiếu	Nghĩa	10/01/1994	Nam	2.98	Khá	1180/2016
11	12132093	Nguyễn Văn	Ngon	22/12/1994	Nam	2.95	Khá	1181/2016
12	12132097	Trần Thị Huỳnh	Như	20/03/1994	Nữ	2.99	Khá	1182/2016
13	12132116	Huỳnh Minh	Toàn	06/06/1994	Nam	2.97	Khá	1183/2016
14	12132141	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	06/11/1993	Nữ	3.18	Khá	1184/2016
15	12132158	Bùi Minh	Tiến	02/03/1994	Nam	2.91	Khá	1185/2016
16	12132169	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	05/12/1994	Nữ	2.94	Khá	1186/2016
17	12132171	Dương Hoàng Thanh	Trúc	19/11/1994	Nữ	2.84	Khá	1187/2016
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH09QL17								
1	09124073	Nguyễn Duy	Phương	08/07/1991	Nam	2.35	Trung bình	1188/2016
DH10DC								
1	10151100	Vũ Đăng	Tiến	24/04/1992	Nam	2.50	Khá	1189/2016
DH10QL								
1	10124175	Lê Huỳnh	Thảo	22/06/1992	Nam	2.90	Khá	1190/2016
DH11DC								
1	11151001	Châu Văn	Điều	20/07/1993	Nam	2.85	Khá	1191/2016
2	11151014	Hà Trọng	Nghĩa	05/08/1993	Nam	2.72	Khá	1192/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	11151037	Nguyễn Thị Phương	Nhi	10/10/1992	Nữ	2.72	Khá	1193/2016
DH11QL								
1	11124042	Nguyễn Như	Quỳnh	28/11/1993	Nữ	2.44	Trung bình	1194/2016
2	11124163	Danh Thanh	Phong	09/09/1991	Nam	2.64	Khá	1195/2016
DH11QLGL								
1	11124156	Nguyễn Hoàng	Trí	03/01/1993	Nam	2.40	Trung bình	1196/2016
DH12DC								
1	12124009	Đỗ Phương	Duy	10/06/1994	Nam	2.75	Khá	1197/2016
2	12124017	Nguyễn Hạ	Giang	01/08/1994	Nữ	3.26	Giỏi	1198/2016
3	12124328	Nguyễn Thị	Trinh	16/04/1994	Nữ	2.61	Khá	1199/2016
DH12QL								
1	12124087	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/07/1993	Nữ	2.65	Khá	1200/2016
2	12124099	Nguyễn Văn	Trường	07/09/1994	Nam	2.67	Khá	1201/2016
3	12124311	Phan Thùy	Tiên	01/11/1994	Nữ	3.01	Khá	1202/2016
DH12TB								
1	12124046	Đoàn Văn	Lộc	20/10/1992	Nam	2.80	Khá	1203/2016
2	12124134	Nguyễn Thụy Ngọc	ánh	18/03/1994	Nữ	3.24	Giỏi	1204/2016
Công nghệ sinh học								
DH11SH								
1	11126030	Đinh Ngọc	Tấn	11/07/1992	Nam	2.93	Khá	1205/2016
2	11126197	Trần Lộc	Sinh	25/05/1993	Nam	3.16	Khá	1206/2016
3	11126285	Nguyễn Duy	Trung	19/07/1993	Nam	3.00	Khá	1207/2016
DH11SM								
1	11172005	Khuất Hoài	Phương	10/04/1993	Nữ	2.93	Khá	1208/2016
2	11172075	Nguyễn Thị	Hoa	15/07/1993	Nữ	2.90	Khá	1209/2016
3	11172083	Võ Ngọc	Huy	27/09/1993	Nam	2.86	Khá	1210/2016
4	11172191	Nguyễn Phan Ngô	Tuấn	09/07/1993	Nam	3.00	Khá	1211/2016
5	11172213	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/09/1993	Nữ	2.83	Khá	1212/2016
DH12SH								
1	12126086	Nguyễn Thị Linh	Châu	03/09/1994	Nữ	3.35	Giỏi	1213/2016
2	12126171	Lê Thị Kim	Khái	/ /1994	Nữ	2.97	Khá	1214/2016
3	12126352	Huỳnh Thị Ngọc	Linh	08/02/1994	Nữ	3.09	Khá	1215/2016
Sư phạm kỹ thuật								
DH11SK								
1	11158024	Lê Thị Kim	Thương	10/01/1993	Nữ	2.68	Khá	1216/2016
Công nghệ thực phẩm								
DH11BQ								
1	11125103	Nông Thị Kim	Thủy	30/06/1993	Nữ	2.56	Khá	1217/2016
DH11DD								
1	11148004	Trần Thị	Diễm	25/04/1993	Nữ	2.77	Khá	1218/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	11148152	Nguyễn Trần Hoàng	My	22/10/1993	Nữ	2.53	Khá	1219/2016
3	11148174	Lê Tuyết	Nhung	16/09/1993	Nữ	2.78	Khá	1220/2016
4	11148241	Trương Thị Đài	Trang	01/01/1993	Nữ	2.92	Khá	1221/2016
DH11TP								
1	11125192	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	05/02/1992	Nữ	3.09	Khá	1222/2016
2	11125224	Nguyễn Thị	Huyền	15/02/1993	Nữ	2.84	Khá	1223/2016
3	11160025	Nguyễn Mạnh	Cường	21/07/1993	Nam	3.04	Khá	1224/2016
DH12BQ								
1	12125096	Đoàn Thị Chúc	Anh	02/02/1994	Nữ	3.50	Giỏi	1225/2016
2	12125100	Nguyễn Lâm Quốc	Anh	23/01/1994	Nam	2.58	Khá	1226/2016
3	12125149	Ngô Thị	Hà	10/03/1994	Nữ	3.20	Giỏi	1227/2016
4	12125160	Trần Thị Thu	Hằng	25/05/1994	Nữ	3.27	Giỏi	1228/2016
5	12125223	Võ Diệu	Lý	26/08/1994	Nữ	3.17	Khá	1229/2016
6	12125231	Nguyễn Thị Kiều	Nga	10/08/1993	Nữ	3.19	Khá	1230/2016
7	12125234	Nguyễn Thị Thu	Ngân	02/08/1994	Nữ	2.84	Khá	1231/2016
8	12125300	Nguyễn Thị Diễm	Sương	14/08/1994	Nữ	3.14	Khá	1232/2016
9	12125364	Phạm Ngọc Thu	Trúc	28/08/1994	Nữ	3.08	Khá	1233/2016
10	12125417	Vũ Thị Thanh	Thủy	20/08/1994	Nữ	3.03	Khá	1234/2016
11	12125422	Võ Phước	Trung	02/08/1994	Nam	2.61	Khá	1235/2016
12	12125437	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	11/12/1994	Nữ	3.24	Giỏi	1236/2016
13	12125484	Nguyễn Thị Như	Quyền	19/09/1994	Nữ	3.07	Khá	1237/2016
14	12125489	Đoàn Thị Thanh	Thảo	28/08/1994	Nữ	3.26	Giỏi	1238/2016
DH12DD								
1	12125018	Lê Kim	Hồng	21/02/1994	Nữ	2.85	Khá	1239/2016
2	12125167	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	09/10/1994	Nữ	3.62	Xuất sắc	1240/2016
3	12125195	Nguyễn Thị Diệu	Khánh	21/12/1994	Nữ	2.79	Khá	1241/2016
4	12125260	Hoàng Thị ý	Nhi	28/09/1994	Nữ	3.35	Giỏi	1242/2016
5	12125270	Nguyễn Thị Bích	Như	20/08/1994	Nữ	2.97	Khá	1243/2016
6	12125334	Nguyễn Tường	Thy	06/12/1994	Nữ	3.17	Khá	1244/2016
7	12125353	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	05/04/1994	Nữ	3.06	Khá	1245/2016
8	12125367	Phạm Xuân	Trường	25/06/1994	Nam	2.75	Khá	1246/2016
9	12125372	Trần Quốc	Tuấn	03/09/1994	Nam	2.95	Khá	1247/2016
10	12125375	Hoàng Ngọc	Tuyền	12/06/1994	Nữ	3.33	Giỏi	1248/2016
11	12125384	Lê Thị Hồng	Vân	01/05/1994	Nữ	3.22	Giỏi	1249/2016
12	12125423	Phan Thanh	Tùng	06/05/1994	Nam	2.79	Khá	1250/2016
13	12125471	Nguyễn Phương	Nam	14/08/1994	Nam	2.87	Khá	1251/2016
14	12125523	Dương Thị	Hương	10/10/1994	Nữ	3.00	Khá	1252/2016
15	12139129	Trần Ngọc Yến	Phương	07/10/1994	Nữ	3.35	Giỏi	1253/2016
DH12VT								
1	12125039	Nguyễn Lý Thanh	Phương	26/06/1994	Nữ	3.24	Giỏi	1254/2016
2	12125047	Nguyễn Tấn	Thanh	27/10/1994	Nam	2.97	Khá	1255/2016
3	12125069	Trương Lê Hữu	Đạt	26/10/1994	Nam	2.91	Khá	1256/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	12125087	Nguyễn Thị	Dung	20/08/1994	Nữ	3.02	Khá	1257/2016
5	12125118	Nguyễn Thị Quế	Chi	02/10/1994	Nữ	3.23	Giỏi	1258/2016
6	12125172	Trần Ngọc Tuyên	Hoàng	04/01/1993	Nam	2.76	Khá	1259/2016
7	12125229	Huỳnh Thanh	Nam	11/06/1994	Nam	2.95	Khá	1260/2016
8	12125435	Nguyễn Thị Phương	Dung	16/10/1994	Nữ	3.23	Giỏi	1261/2016
9	12125447	Đào Thị	Hảo	04/08/1994	Nữ	3.10	Khá	1262/2016
10	12125450	Nguyễn Thị	Hằng	18/11/1994	Nữ	3.03	Khá	1263/2016
11	12125468	Nguyễn Văn	Mạnh	08/10/1994	Nam	3.12	Khá	1264/2016
12	12125499	Phạm Thị Hồng	Thư	02/06/1994	Nữ	2.73	Khá	1265/2016
LT12BQ								
1	12425018	Khưu Quế	Trân	25/11/1989	Nữ	2.98	Khá	1266/2016
Thủy sản								
DH11CT								
1	11117036	Chế Thanh	Hậu	27/05/1993	Nam	2.54	Khá	1267/2016
DH11KS								
1	11171140	Huỳnh Tấn	Phát	27/01/1993	Nam	2.30	Trung bình	1268/2016
DH11NT								
1	11116005	Mai Hồng	Yên	15/03/1990	Nam	2.59	Khá	1269/2016
2	11116072	Trần Ngọc	Quý	11/09/1993	Nam	2.84	Khá	1270/2016
DH11NY								
1	11141028	Thạch Thị Chanh	Đa	/ /1990	Nữ	2.54	Khá	1271/2016
2	11141038	Dương Bình	Minh	07/07/1993	Nam	2.82	Khá	1272/2016
DH12CT								
1	12117048	Lê Minh	Hạnh	13/01/1994	Nữ	3.08	Khá	1273/2016
2	12117085	Nguyễn Hoài	Nam	03/09/1994	Nam	2.86	Khá	1274/2016
3	12117106	Trần Thị Thanh	Thanh	05/02/1994	Nữ	2.78	Khá	1275/2016
DH12NT								
1	12116225	Trịnh Thị Mỹ	Chi	27/07/1994	Nữ	2.97	Khá	1276/2016
2	12116313	Nguyễn Thị Phương	Uyên	23/05/1994	Nữ	3.20	Giỏi	1277/2016
DH12NY								
1	12116367	Nguyễn Minh	Tùng	27/10/1994	Nam	2.60	Khá	1278/2016

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

GS.TS. Nguyễn Hay

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phòng Đào Tạo

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 2002 /QĐ-ĐHNL-ĐT của Hiệu trưởng ký ngày 20/7/2016

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Chăn nuôi Thú Y								
TC08CNNX								
1	08211005	Thái Thị	Diễm	05/08/1988	Nữ	5.85	Trung bình	47/2016
TC08TY								
1	08212036	Trần Hữu	Phước	05/07/1984	Nam	6.03	Trung bình khá	48/2016
2	08212042	Phạm Hoàng	Quỳnh	23/09/1988	Nam	6.02	Trung bình khá	49/2016
3	08212053	Trần	Thịnh	10/11/1989	Nam	6.01	Trung bình khá	50/2016
4	08212055	Mai Thị Mỹ	Tiên	08/02/1986	Nữ	6.47	Trung bình khá	51/2016
5	08212057	Nguyễn Minh	Tùng	08/10/1970	Nam	5.76	Trung bình	52/2016
TC09TY								
1	09212009	Đặng Thị Kim	Cương	22/06/1990	Nữ	6.25	Trung bình khá	53/2016
2	09212013	Huỳnh Anh	Dũng	06/05/1976	Nam	6.35	Trung bình khá	54/2016
3	09212028	Nguyễn Tấn	Hùng	04/11/1991	Nam	6.53	Trung bình khá	55/2016
4	09212043	Phan Hải	Nam	08/04/1989	Nam	6.10	Trung bình khá	56/2016
5	09212062	Phan Mạnh	Tân	27/09/1991	Nam	6.30	Trung bình khá	57/2016
6	09212066	Trần Thị Phương	Thảo	02/01/1984	Nữ	6.69	Trung bình khá	58/2016
7	09212067	Nguyễn Văn	Thiện	10/01/1991	Nam	6.15	Trung bình khá	59/2016
8	09212071	Vũ	Tín	01/12/1986	Nam	6.03	Trung bình khá	60/2016
9	09212080	Phạm Yến	Vân	25/03/1987	Nữ	6.03	Trung bình khá	61/2016
10	09212085	Trần Anh	Nhựt	28/12/1986	Nam	6.10	Trung bình khá	62/2016
Kinh tế								
TC06QTDN								
1	06222265	Hồ Đắc	Phúc	17/08/1984	Nam	5.96	Trung bình	63/2016
TC11QTTD								
1	11222008	Lê Long Hương	Diệu	05/12/1992	Nữ	7.51	Khá	64/2016
2	11222009	Nguyễn Hoàng	Duy	23/07/1985	Nam	7.86	Khá	65/2016
3	11222010	Trần Đình Nguyễn Thiện	Duyên	12/08/1982	Nữ	7.15	Khá	66/2016
4	11222013	Lê Thị Mai	Hương	09/06/1975	Nữ	6.60	Trung bình khá	67/2016
5	11222016	Phan Tấn	Hưng	15/02/1987	Nam	7.02	Khá	68/2016
6	11222020	Nguyễn Bá	Khôi	22/09/1989	Nam	6.66	Trung bình khá	69/2016
7	11222021	Phạm Hoàng Minh	Khải	22/06/1983	Nam	7.45	Khá	70/2016
8	11222024	Bùi Quang	Lân	07/09/1980	Nam	6.45	Trung bình khá	71/2016
9	11222027	Lê Văn	Linh	04/11/1988	Nam	7.34	Khá	72/2016
10	11222031	Pho Phi	Long	18/01/1979	Nam	7.16	Khá	73/2016
11	11222034	Hà Văn	Nguyên	07/02/1976	Nam	8.27	Giỏi	74/2016
12	11222036	Trương Thị Thanh	Nhiên	03/11/1980	Nữ	7.99	Khá	75/2016
13	11222038	Đặng Bích	Phương	26/12/1988	Nữ	7.10	Khá	76/2016
14	11222039	Trần Thành	Phương	05/08/1988	Nam	6.86	Trung bình khá	77/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
15	11222043	Phan Chí	Tâm	10/05/1984	Nam	7.33	Khá	78/2016
16	11222045	Đặng Ngọc	Thành	11/09/1985	Nam	7.01	Khá	79/2016
17	11222047	Nguyễn Đức	Thành	15/08/1983	Nam	7.34	Khá	80/2016
18	11222048	Trần Công	Thành	08/10/1976	Nam	7.17	Khá	81/2016
19	11222051	Nguyễn Ngọc	Thiêm	12/11/1983	Nam	7.81	Khá	82/2016
20	11222060	Văn Công	ý	03/11/1988	Nam	7.56	Khá	83/2016
21	11223003	Dương Thị	Búng	31/12/1985	Nữ	7.84	Khá	84/2016
22	11223007	Nguyễn Văn	Hoàng	02/09/1992	Nam	6.44	Trung bình khá	85/2016
23	11223008	Đinh Thị	Hoa	10/10/1987	Nữ	6.90	Trung bình khá	86/2016
24	11223012	Trương Thị Châu	Lan	06/02/1988	Nữ	7.35	Khá	87/2016
25	11223017	Phạm Thị Hoài	Nghiêm	15/12/1982	Nữ	7.12	Khá	88/2016
26	11223020	Nguyễn Thị Yến	Phương	03/01/1993	Nữ	7.20	Khá	89/2016
27	11223030	Đỗ Thị Thúy	Vân	16/04/1989	Nữ	7.66	Khá	90/2016
28	11223031	Trương Thị Mỹ	Vân	04/11/1986	Nữ	8.24	Giỏi	91/2016
Nông học								
TC07NH								
1	07213079	Huỳnh Trọng	Khôi	29/10/1988	Nam	5.47	Trung bình	92/2016
TC10NHDL								
1	10213106	Vũ Thị	Cúc	25/11/1983	Nữ	6.51	Trung bình khá	93/2016
2	10213112	Phan Thành	Đạt	02/12/1960	Nam	6.11	Trung bình khá	94/2016
3	10213117	Nguyễn Thị	Hạnh	26/03/1982	Nữ	5.95	Trung bình	95/2016
4	10213130	Thái Thị	Huyền	21/03/1983	Nữ	6.03	Trung bình khá	96/2016
5	10213134	Lâm Trí	Hy	15/01/1963	Nam	6.59	Trung bình khá	97/2016
6	10213135	Nguyễn Quốc	Khánh	16/06/1982	Nam	5.91	Trung bình	98/2016
7	10213136	Nguyễn Thành	Khôi	10/04/1988	Nam	6.10	Trung bình khá	99/2016
8	10213143	Nguyễn Thị	Lương	26/04/1982	Nữ	6.92	Trung bình khá	100/2016
9	10213152	Nguyễn Ngọc	Quân	18/06/1972	Nam	6.03	Trung bình khá	101/2016
10	10213162	Trần Thị Lệ	Sương	04/05/1984	Nữ	6.64	Trung bình khá	102/2016
11	10213163	Hoàng Đại	Sửu	16/04/1973	Nam	6.20	Trung bình khá	103/2016
12	10213164	Vũ Trọng	Tài	12/06/1981	Nam	5.90	Trung bình	104/2016
13	10213170	Nguyễn Văn	Thành	11/11/1975	Nam	6.56	Trung bình khá	105/2016
14	10213173	Đoàn Nguyễn Bích	Thảo	10/10/1982	Nữ	6.54	Trung bình khá	106/2016
15	10213174	Nguyễn Đình	Thạo	07/09/1982	Nam	6.80	Trung bình khá	107/2016
16	10213183	Trần Quốc	Trung	10/01/1987	Nam	6.23	Trung bình khá	108/2016
17	10213186	Nguyễn	Tư	30/12/1967	Nam	6.63	Trung bình khá	109/2016
18	10213187	Lê Thị	Tứ	30/01/1968	Nữ	6.23	Trung bình khá	110/2016
Ngoại ngữ - Sư phạm								
TC05AVA								
1	05228017	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	23/08/1987	Nữ	6.10	Trung bình khá	111/2016

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Quản lý đất đai và Bất động sản							
LT14QLBD							
1	14424055	Phạm Văn Ân	/ /1988	Nam	6.33	Trung bình khá	112/2016

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

GS.TS. Nguyễn Hay